**KHỐI 8 - TUẦN 3**

**TOÁN**

**PHẦN ĐẠI SỐ**

**BÀI 4 + 5: HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ (HĐT 4, 5, 6, 7)**

**4. LẬP PHƯƠNG CỦA MỘT TỔNG (HĐT SỐ 4)**

**(A + B)3 = A3 + 3A2B + 3AB2 + B3**

**Ví dụ 1:** Tính (Khai triển hằng đẳng thức) (x + 6)3

Ta cần xác định chính xác A và B, ở ví dụ 1 A là x , B là 6 dựa vào công thức ta có

(A + B)3 = A3 + 3.A2.B + 3.A.B2 + B3

(x + 6)3 = x3 + 3.x2.6 + 3. x. 62 + 63

 = x3 + 18x2 + 108x + 216

**Ví dụ 2:** Tính (Khai triển hằng đẳng thức) (2x2 + 5)3

Ta cần xác định chính xác A và B, ở ví dụ 2 A là 2x2 , B là 5 dựa vào công thức ta có

(A + B)3 = A3 + 3. A2 . B + 3. A. B2 + B3

(2x2 + 5)3 = (2x2)3 + 3.(2x2)2.5 + 3.2x2.52 + 53

 = 23.(x2)3 + 3.22.(x2)2.5 + 3.2x2.25 + 125

 = 8x6 + 3.4.x4.5 + 3.2x2.25 + 125

 = 8x6 + 60x4 + 150x2 + 125

Bài tập: Bài 26 a trang 14 và ?2b

**Ví dụ 3:** Thu gọn rồi tính giá trị của biểu thức A = x3 + 15x2 + 75x + 125 tại x = -1 và y = 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | = | x3 + 15x2 + 75x + 125 |
|  | = | x3 + 3.x2.5 + 3.x.25 + 53 |
|  | = | x3 + 3.x2.5 + 3.x.52 + 53 |
|  | = | (x + 5)3 |

Thay x = -1 và y = 2 vào biểu thức A ta có:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | = | (x + 5)3 |
|  | = | (-1 + 2)3 |
|  | = | 13  |
|  | = | 1 |

***Cách làm:***

Bước 1: Sắp xếp biểu thức theo chiều giảm dần của số mũ (Nếu đã sắp xếp thì không cần làm bước này)

Bước 2: Viết lại hạng tử đầu và cuối thành dạng lũy thừa có số mũ 3 (ở bài trên là x mũ 3 và 5 mũ 3

Bước 3: Hai hạng tử giữa đem chia 3 để được phần còn lại

Bước 4: Viết thành dạng hằng đẳng thức

***Cách làm nhanh:*** Chỉ cần xác định đúng A và B sau đó viết thành hằng đẳng thức

**Bài tập: Bài 28a trang14 SGK**

***Bài tập thêm:***

1. Tính:

a) (x + 2)3

b) (x + 8)3

c) (2x + 5)3

d) (2x + 3y)32. Rút gọn, rồi tính giá trị của biểu thức

a) x3 + 6x2 + 12x + 8 tại x = 4

b) x3 + 21x2 + 147x + 343 tại x = -4

c) 27x3+ 27x2 + 9x + 1 tại x = $\frac{1}{3}$

d) x3 + 3x2y + 3xy2 + y3 tại x = 4 và y = -3

**5. LẬP PHƯƠNG CỦA MỘT HIỆU (HĐT SỐ 5)**

**(A - B)3 = A3 - 3A2B + 3AB2 - B3**

**Nhận xét:** Ta thấy giữa hai hằng đẳng thức 4 và 5 có sự tương đồng với nhau, ở hằng đẳng thức số 4 thì tất cả đều mang dấu cộng, còn ở hằng đẳng thức số 5 thì trừ, cộng xen kẻ nhau

**Ví dụ 4:** Tính (Khai triển hằng đẳng thức) (x - 4)3

Ta cần xác định chính xác A và B, ở ví dụ 4 A là x , B là 4 dựa vào công thức ta có

(A - B)3 = A3 - 3.A2.B + 3.A.B2 - B3

(x - 4)3 = x3 - 3.x2.4 + 3. x. 42 - 43

 = x3 - 12x2 + 48x - 64

**Ví dụ 5:** Tính (Khai triển hằng đẳng thức) (2x2 - 5)3

Ta cần xác định chính xác A và B, ở ví dụ 2 A là 2x2 , B là 5 dựa vào công thức ta có

(A - B)3 = A3 - 3. A2 . B + 3. A. B2 - B3

(2x2 - 5)3 = (2x2)3 - 3.(2x2)2.5 + 3.2x2.52 - 53

 = 23.(x2)3 - 3.22.(x2)2.5 + 3.2x2.25 - 125

 = 8x6 - 3.4.x4.5 + 3.2x2.25 - 125

 = 8x6 - 60x4 + 150x2 - 125

**Bài tập: Bài 26 b trang 14**

**Ví dụ 6:** Thu gọn rồi tính giá trị của biểu thức A = x3 - 15x2 + 75x - 125 tại x = -1 và y = 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | = | x3 - 15x2 + 75x - 125 |
|  | = | x3 - 3.x2.5 + 3.x.25 - 53 |
|  | = | x3 - 3.x2.5 + 3.x.52 - 53 |
|  | = | (x - 5)3 |

Thay x = -1 và y = 2 vào biểu thức A ta có:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | = | (x - 5)3 |
|  | = | (-1 - 2)3 |
|  | = | (-3)3  |
|  | = | -27 |

***Cách làm:***

Bước 1: Sắp xếp biểu thức theo chiều giảm dần của số mũ (Nếu đã sắp xếp thì không cần làm bước này)

Bước 2: Viết lại hạng tử đầu và cuối thành dạng lũy thừa có số mũ 3 (ở bài trên là x mũ 3 và 5 mũ 3

Bước 3: Hai hạng tử giữa đem chia 3 để được phần còn lại

Bước 4: Viết thành dạng hằng đẳng thức

***Cách làm nhanh:*** Chỉ cần xác định đúng A và B sau đó viết thành hằng đẳng thức

**Bài tập: Bài 28b trang14 SGK**

***Bài tập thêm:***

1. Tính:

a) (x - 2)3

b) (x - 4)3

c) (x - 2y)3

d) (1 - 3y)32. Rút gọn, rồi tính giá trị của biểu thức

a) 8x3 - 12x2 + 6x - 1 tại x = 4

b) x3 - 21x2 + 147x – 343 tại x = 2

c) 27x3 - 27x2 + 9x - 1 tại x = 5

d) x3 - 3x2y + 3xy2 - y3 tại x = 10 và y = 6

**6. TỔNG HAI LẬP PHƯƠNG (HĐT SỐ 6)**

**A3 + B3 = (A + B)(A2 - AB + B2)**

**Cần chú ý dấu của hằng đẳng thức**

**Ví dụ 7:** Viết hằng đẳng thức dưới dạng tích

**a) x3 + 64**

Ta thấy 64 là 43

Ở ví dụ 7a A là x , B là 4 dựa vào công thức ta có

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| x3 + 64 | = | x3 + 43 |
|  | = | (x + 4)(x2 – x.4 + 42) |
|  | = | (x + 4)(x2 – 4x + 16) |

**b) 8x3 + 1**

Ta thấy **8x3** là (2x)3 (Công thức xnyn = (xy)n). Vì 8 là 23, ta thấy **8x3** là 23.x3

Ở ví dụ 7b A là 2x , B là 1 dựa vào công thức ta có

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 8x3 + 1 | = | (2x)3 + 13 |
|  | = | (2x + 1)[(2x)2 – 2x.1 + 12] |
|  | = | (2x + 1)(4x2 – 2x + 1) |

Chú ý 2x.1 khà A.B không phải 2AB

**Bài tập:**

a) x3 + 27

b) x3 + 343

c) 27x3 + 8

d) 125x3 + 64

**Ví dụ 8:** Viết biểu thức dưới dạng tổng hai lập phương

a) (3x + 1)(9x2 – 3x + 1) = (3x)3 + 13

b) (2x + 3)(4x2 – 6x + 9) = (2x)3 + 33 = 8x3 + 27

**7. HIỆU HAI LẬP PHƯƠNG (HĐT SỐ 7)**

**A3 - B3 = (A - B)(A2 + AB + B2)**

**Cần chú ý dấu của hằng đẳng thức**

**Ví dụ 9:** Viết hằng đẳng thức dưới dạng tích

**a) x3** – **125**

Ta thấy 125 là 53

Ở ví dụ 9 A là x , B là 5 dựa vào công thức ta có

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| x3 – 125 | = | x3 – 53 |
|  | = | (x – 4)(x2 + x.4 + 42) |
|  | = | (x – 4)(x2 + 4x + 16) |

**b) 8x3 - 1**

Tương tự hằng đẳng thức số 6

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 8x3 – 1 | = | (2x)3 – 13 |
|  | = | (2x – 1)[(2x)2 + 2x.1 + 12] |
|  | = | (2x – 1)(4x2 + 2x + 1) |

Chú ý 2x.1 khà A.B không phải 2AB

**Bài tập:**

a) x3 - 8

b) 8x3 - 64

c) 27x3 - 1

d) x3 - 1000

**Ví dụ 8:** Viết biểu thức dưới dạng tổng hai lập phương

a) (3x – 1)(9x2 + 3x + 1) = (3x)3 - 13 = ………..

b) (2x – 3)(4x2 + 6x + 9) = (2x)3 - 33 = ………..

**Bài tập: Làm hết bài tập 30, 31 trang 16 SGK**

**HẾT BÀI HẰNG ĐẲNG THỨC**

**LUYỆN TẬP 7 HẰNG ĐẲNG THỨC**

**Bài 33 trang 16 SGK**

a) Khai triển theo hằng đẳng thức 1

b) (5 – 3x)2 = 52 – 2.5.3x + (3x)2 học sinh tiếp tục tự làm (Bắt buộc viết 3x trong ngoặc rồi mới viết số mũ bên ngoài)

c) (5 – x2).(5 + x2) (gợi ý đây là hằng đẳng thức số 3 có A là 5, B là x2)

(5 – x2).(5 + x2) = 52- (x2)2 = ………………

(HS làm phần còn lại sau đó làm tiếp bài sau (1 – 2x2).(1 + 2x2))

d) Như ví dụ ở HĐT số 7

e) và f) như đã được hướng dẫn

**Bài 34 trang 16 SGK**

**a) (a + b)2 – (a – b)2**

**Cách 1** là dùng hằng đẳng thức 1 và 2, sau đó áp dụng quy tắc dấu ngoặc để rút gọn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| (a + b)2 – (a – b)2  | = | a2 + 2ab + b2 – (a2 - 2ab + b2) |
|  | = | **a2** + 2ab + b2 **– a2** + 2ab – b2 |
|  | = |  4ab |
| Chúng ta thấy nếu không viết ngoặc ở HĐT số 2 thì cả bài làm có nguy cơ sai |

**Cách 2** là dùng hằng đẳng thức số 3 bài này A là a + b, B là a – b

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| (a + b)2 – (a – b)2  | = | [(a + b) – (a – b)].[(a + b) + (a – b)] |
|  | = |  [a + b – a + b] . [a + b + a – b] |
|  | = |  2b . 2a  |
|  | = |  4ab |

**b)** (2a + b)2 – (2a – b)2

**c)** (x – 2y)2 – (x + 2y)2

**MỘT SỐ CHÚ Ý QUAN TRỌNG**

1. Đối với hằng đẳng thức số 1 và 2 thì A viết trước hay B viết trước đều đúng

2. Đối với hằng đẳng thức số 3, ta viết (A - B)(A + B) hay (A + B)(A - B) đều đúng

3. Hằng đẳng thức số 4 và 5 thường làm ở dạng từ khai triển viết về thu gọn rồi thay số

4. Hằng đẳng thức số 6 và 7 tương tự nhau, dùng để áp dụng cho rút gọn biểu thức ở các bài sau

**HẾT PHẦN ĐẠI SỐ**

---------------------------------------------------------

**PHẦN HÌNH HỌC**

**ÔN TẬP LÍ THUYẾT:**

***Học sinh tự tóm tắt lí thuyết của bài 1, 2 và 3 sau đó gửi cho GV***

Các dạng bài tập thường làm:

1. Áp dụng các định lí, các tính chất để tính số đo của các góc trong tứ giác

2. Dựa và các trường hợp bằng nhau để chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau hoặc hai góc bằng nhau

3. Dựa vào dấu hiệu nhận biết để chứng minh một hình thang cân

**BÀI 4: ĐƯỜNG TRUNG BÌNH CỦA TAM GIÁC, CỦA HÌNH THANG**

**I. Đường trung bình của tam giác**

**1. Khái niệm đường trung bình của tam giác:**

Đường trung bình của tam giác là đường thẳng đi qua trung điểm hai cạnh của tam giác

=> Đường trung bình thì song song với cạnh đáy

**Khái niệm dùng để chứng minh hai đường thẳng song song**



**Cách chứng minh đường trung bình của tam giác:**

$∆$ABC có:

AM = MB (…)

AN = NC (…)

Do đó MN là đường trung bình của $∆$ABC

**Suy ra MN // BC**

**2. Định lí 1:** Đường thẳng đi qua trung điểm cạnh thứ nhất và song song với cạnh thứ hai thì đi qua trung điểm của cạnh thứ ba (cạnh còn lại)

**Định lí 1 dùng để chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau**



**Cách trình bày:**

$∆$ABC có:

AM = MB (…)

MN//BC (…)

Do đó N là trung điểm của $AC$

Suy ra AN = NC

**3. Định lí 2:** Đường trung bình của tam giác thì song song và bằng nữa cạnh đáy

**Định lí 2 dùng để tính độ dài đoạn thẳng**



**Cách trình bày:**

$∆$ABC có:

AM = MB (…)

AN = NC (…)

Do đó MN là đường trung bình của $∆$ABC

Suy ra MN = BC:2

**II. Đường trung bình của hình thang**

**1. Khái niệm đường trung bình của hình thang:**

Đường trung bình của hình thang là đường thẳng đi qua trung điểm hai cạnh bên của hình thang => Đường trung binh của hình thang song song với hai đáy

**Khái niệm dùng để chứng minh hai đường thẳng song song**



**Cách trình bày:**

Hình thang ABCDcó:

AE = EB (…)

AF = FC (…)

Do đó EF là đường trung bình của hình thang $ABCD$

Suy ra EF // AB // CD

**2. Định lí 3:**

Đường thẳng đi qua trung điểm cạnh bên thứ nhất, song song với hai đáy thì đi qua trung điểm của cạnh bên còn lại

**Định lí 3 dùng để chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau**



**Cách trình bày:**

Hình thang ABCDcó:

AE = ED (…)

EF // CD (…)

Do đó F là trung điểm của BC

Suy ra BF = FC

**3. Định lí 4:** Đường trung bình của hình thang thì song song và bằng nữa tổng hai cạnh đáy

**Định lí 4 dùng để tính độ dài đoạn thẳng**

**Cách trình bày:**

Hình thang ABCDcó:

AE = EB (…)

AF = FC (…)

Do đó EF là đường trung bình của hình thang $ABCD$

Suy ra EF // AB // CD

Suy ra EF = (AB + CD):2



**\* MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA ĐƯỜNG TRUNG BÌNH**

1. Dùng để chứng minh hai đoạn thẳng hoặc hai đường thẳng song song (dựa vào định nghĩa)

2. Tính độ dài đoạn thẳng (dựa và định lí 2 hoặc 4)

3. Chứng minh trung điểm (dựa vào định lí 1)

**HẾT PHẦN HÌNH HỌC**

**VẬT LÝ**

**Bài 3: CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU – CHUYỂN ĐỘNG KHÔNG ĐỀU**

**I. Định nghĩa:**

- C/đ đều là c/đ là chuyển động mà vận tốc có độ lớn không thay đổi theo thời gian.

 Ví dụ: c/đ của đầu kim đồng hồ, của Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời…

- C/đ không đều là chuyển động mà vận tốc có độ lớn thay đổi theo thời gian.

 Ví dụ: c/đ của ôtô, xe đạp…

**II. Vận tốc trung bình của c/đ không đều:**

- Vận tốc trung bình của c/đ không đều trên một quãng đường được tính bằng công thức:

 

 s: Quãng đường đi được.

 t: Thời gian để đi hết quãng đường đó.

**III.Vận dụng:**

**C4:** Ôtô c/đ không đều vì khi:

 + Khi mới khởi động ô tô chuyển động chậm, sau đó vận tốc từ từ tăng lên.

 + Khi đường vắng, vận tốc lớn.

 + Khi đường đông, vận tốc nhỏ.

 + Khi dừng, vận tốc giảm đi

 v = 50 km/h là vtb trên quãng đường từHà Nội đi Hải Phòng.

**C5**:

 s1 = 120m

 t2 = 30s

 s1 = 60m

 t2 = 24s

 v1 = ? (m/s)

 v2 = ? (m/s)

 vtb = ? (m/s)

 Vận tốc trung bình trên mỗi quãng đường:

 

 

 Vận tốc trung bình trên cả đoạn đường:

 

**C6:**

 v = 30 km/h

 t= 5h

 s= ? (km)

 Quãng đường đoàn tàu đi được là

 s = vtb.t = 30.5 = 150 (km)

**BTVN: bài 3.1 => 3.14/SBT**

**HÓA HỌC**

**BÀI TẬP HÓA TUẦN 3**

**Bài tập 1:** Hãy phân biệt từ nào (những từ in nghiêng) chỉ vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo hay chất trong các câu sau:

a. Trong quả chanh có nước, axit xitric (vị chua) và một số chất khác

b. Cốc bằng thuỷ tinh dễ vỡ hơn so với cốc bằng chất dẻo

c. Thuốc đầu que diêm được trộn một ít sulfur

d. Quặng apatit ở Lào Cai chứa calcium photphate với hàm lượng cao

e. Bóng đèn điện được chế tạo bằng thuỷ tinh, copper và vonfam (một kim loại chịu nóng dùng làm dây tóc)

**Bài tập 2** : Khi đun nước, lúc đầu water lấy nhiệt để tăng nhiệt độ. Vì sao khi đạt đến 1000C, mặc dù ta vẫn tiếp tục đun, nghóa là vẫn cung cấp nhiệt nhưng nhiệt độ của nước không tăng nữa mà vẫn giữ là 1000C cho đến lúc cạn hết ?

**Bài tập 3** : Bài tập 1,2,3,4,5,6,7,8/11/SGK

**SINH HỌC**

**Bài 5 : THỰC HÀNH : QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ**

1/ **Cách làm tiêu bản mô cơ vân:**

- Rạch da đùi ếch lấy 1 bắp cơ.

- Dùng ngón trỏ và ngón cái ấn 2 bên mép rạch

- Lấy kim mũi mác gạt nhẹ và tách 1 sợi mảnh

- Đặt sợi mảnh mới tách lên lam kính nhỏ dd sinh lí 0,65%

- Đậy la men nhỏ dd axit axêtric 1 %

**2/ Quan sát tiêu bản các loại mô :**

(ĐỂ KHOẢNG 2/3 TRANG GIẤY VẼ HÌNH)

**Bài 6: PHẢN XẠ**

**I/ Cấu tạo và chức năng của nơron:**

**a/ Cấu tạo nơ ron :**

- Thân: chứa nhân quanh thân phát ra nhiều sợi nhánh và 1 sợi trục có bao miêlin, cuối sợi trục là các cúc xináp.

**b/ Chức năng nơron:**

- Cảm ứng: tiếp nhận các kích thích và phản ứng lại kích thích bằng hình thức phát xung thần kinh.

- Dẫn truyền xung thần kinh: là khả năng lan truyền xung thần kinh theo 1 chiều nhất định

**c/ các loại noron:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các loại nơ ron** | **Vị trí** | **Chức năng**  |
| Nơron hướng tâm (cảm giác) | Thân nằm ngoài trung ương thần kinh  | Truyền xung thần kinh từ cơ quan về trung ương. |
| Nơ ron trung gian (liên lạc) | Nằm trong trung ương thần kinh | Liên hệ giữa các nơ ron. |
| Nơ ron li tâm (vận động) | Thân nằm trong trung ương thần kinh. Sợi trục hướng ra cơ quan phản ứng  | Truyền xung thần kinh tới các cơ quan phản ứng. |

**II/ Cung phản xạ** :

**1/ Phản xạ:**

- Là phản ứng cơ thể trả lời kích thích môi trường dưới sự điều khiển của hệ thần kinh.

**Ví dụ:**

**2/ Cung phản xạ:**

- Cung phản xạ là con đường mà xung thần kinh truyền từ cơ quan thụ cảm (da) theo nơron hướng tâm đến trung ương thần kinh (nơron liên lạc) theo nơron li tâm đến cơ quan phản ứng (cơ )

**3/ Vòng phản xạ:** HS tự đọc

**Chương II : VẬN ĐỘNG**

**Bài 7: BỘ XƯƠNG**

**I/ Các phần chính của bộ xương** :

- Xương đầu: xương sọ và xương mặt

 + Xương sọ: Xương trán, đỉnh, chẩm, thái dương
 + Xương mặt: Xương gò má, mũi, hàm trên, hàm dưới

- Xương thân: gồm x.cột sống và lồng ngực.
+ cột sống có 4 chỗ cong,

+ xương sườn, xương cột sống, xương ức gắn với nhau tạo thành lồng ngực bảo vệ tim, phổi

- Xương chi: x tay, x chân

+ Chức năng: Nâng đỡ, bảo vệ cơ thể, là nơi bám của các cơ.

**II.Phân biệt các loại xương:** HS tự đọc

**III. Các khớp xương**

- Khớp động: cử động dễ dàng → đảm bảo hoạt động linh hoạt của tay và chân

- Khớp bán động: cử động hạn chế → giúp xương tạo thành khoang bảo vệ (khoang ngực), giúp cơ thể mềm dẻo tạo dáng đi thẳng và lao động phức tạp

- Khớp bất động: không cử động được → giúp xương tạo thành hộp, thành khối để bảo vệ nội quan (hộp sọ bảo vệ não) hoặc nâng đỡ (xương chậu)

**TIN HỌC**

**Bài 3: CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH VÀ DỮ LIỆU**

**1. Dữ liệu và kiểu dữ liệu**

Kiểu dữ liệu là miền xác định giá trị có thể của dữ liệu và các phép toán có thể thực hiện trên các dữ liệu đó. Một số kiểu thường dùng:

   - Số nguyên: ví dụ số học sinh 1 lớp, số sách trong thư viện

   - Số thực: ví dụ như chiều cao, điểm trung bình

   - Kí tự: là 1 chữ, 1 số hay 1 kí hiệu đặc biệt. nó là 1 chữ cái của ngôn ngữ lập trình.

   - Xâu kí tự: là các chữ cái nối với nhau. Xâu kí tự thường được đặt trong dấu nháy đơn ‘’. Tương tự khi muốn chương trình dịch hiểu dãy số là 1 xâu, ta để dãy số này trong dấu nháy đơn. Ví dụ: ‘2354’, ‘12’,…



**2. Các phép toán với kiểu dữ liệu số**

Bảng kí hiệu các phép toán số học có trong Pascal:



- Lưu ý 1: kết quả chia 2 số n và m( tức là n/m) cho kết quả là 1 số thực.

- Ví dụ:

5 ⁄ 2 = 2.5; -12 ⁄ 5 = -2.4;

5 div 2 = 2; -12 div 5 = -2;

5 mod 2 = 1; -12 mod 5 = -2;

- Lưu ý 2: chỉ sử dụng dấu ngoặc đơn () để viết các biểu thức số học.



**3. Các phép toán so sánh**

- Sử dụng các kí hiệu do ngôn ngữ lập trình quy định, nó có thể khác nhau tùy từng ngôn ngữ lập trình.

- Các kí hiệu so sánh trong ngôn ngữ lập trình Pascal:



hình 3.4. bảng kí hiệu phép so sánh

- Kết quả so sánh sẽ trả về đúng hoặc sai.

- Ví dụ: 5 x 2 = 9 là sai, 15 + 7 > 20 -3 là đúng.

**4. Giao tiếp người ‾ máy tính**

- Khái niệm: Quá trình trao đổi thông tin, dữ liệu hai chiều từ máy tính đến con người và từ con người đến máy tính được gọi là tương tác( giao tiếp) giữa người và máy.

- Thực hiện: Khi sử dụng các thiết bị chuột, bàn phím, màn hình. Cùng tìm hiểu 1 vài trường hợp hay gặp.

a. Thông báo kết quả tính toán

- Thông báo kết quả tính toán là yêu cầu đầu tiên đối với mọi chương trình.

- Ví dụ câu lệnh: write(‘Dien tich hinh tron la S= ’, x);



b. Nhập dữ liệu

- Chương trình chờ người dùng nhập dữ liệu từ bán phím hay bằng chuột, hoạt động tiếp theo của chương trình tùy thuộc vào dữ liệu được nhập vào.

- Ví dụ: chương trình yêu cầu nhập bán kinh hình tròn, từ đó tính ra diện tích hình tròn( hình 3.5)

c. Tạm ngừng chương trình

- Có 2 chế độ: tạm ngừng trong 1 khoảng thời gian nhất định và tạm ngừng cho đến khi người dùng nhấn phím.

- Ví dụ 1:

+ Tạm dừng trong 1 khoảng thời gian nhất định: sử dụng lệnh **Delay(mini giấy).**





+ Tạm dừng đến khi người dùng ấn phím: sử dụng lệnh readln. Chương trình sẽ tạm ngừng chờ người dùng nhấn phím Enter, rồi mới thực hiện tiếp.



d. Hộp thoại

- Xuất hiện khi người dùng muốn thoát khỏi chương trình đang chạy. Khi đó nếu nháy chuột vào đồng ý, chương trình sẽ kết thúc, còn nháy chuột vào hủy lệnh, chương trình vẫn tiếp tục bình thường.



**TIẾNG ANH**

**Skills 2 – (Unit 1 trang 13 SGK Tiếng Anh 8 mới)**

**Listening**

**Task 1. What do you usually do with your friends in your free time?**

*(Bạn thường làm gì với bạn bè trong thời gian rảnh?)*

**Gợi ý trả lời:**

I usually go shopping, play badminton, cook at home with my friends.

**Task 2. Listen to the radio programme and answer the questions.**

*(Nghe chương trình radio và trả lời những câu hỏi.)*

*Học vào phần nghe của bài để nghe trước ở nhà.*

**Audio script: (nội dung bài nghe)**

In this week’s programme we’ll share with you some cool ways to hang out with your best friends after a busy week at school. Basically you can hang out indoors. If you like staying indoors, ask your parents if you can invite one or two friends over. Make some popcorn! Watch a movie! It’s more comfortable than going to a cinema! Or if you’re feeling creative, you can make crafts togetherằ You’ll feel satisfied once you finish something. If you fancy being outdoors, play some sports together. Football, badminton, biking... you name it! Or it can simply be a relaxing walk in the park. All these activities are good for your physical health. Do you prefer something more exciting? Go downtown and to do some people watch. It’s fun. If you like something more organised, go to cultural centres, libraries, and museums. Educate yourself while having fun!

**Question**

1. What is the topic of this week's programme? *(Chủ đề của chương trình tuần này là gì?)*

2. Which two main ways does the programme suggest you can hang out with your friends? *(Hai cách chính nào mà chương trình đề nghị bạn có thể đi chơi cùng bạn bè?)*

*Học sinh nghe ở nhà và trả lời câu 02 câu hỏi sau( có thể xem nội dung bài nghe để trả lời nếu không nghe được bài)*

*Task 3: Listen again and complete the table (nghe lại và điền vào bảng sau)*

****

**Writing**

**Write to give a opinion**

**Task 4. Complete the following paragraph with the words in the "Organising your ideas".**

**Organising your ideas**

**Introducing your opinion**

*In my opinion, I believe*

**Explaining your opinion** *Firstly, secondly, thirdly, finally besides, also, in addition*

**Concluding/Summarising your opinion**

*For these reasons, In short,*

*As I have noted,*

**Organising your ideas**

**Introducing your opinion**

*In my opinion, I believe*

**Explaining your opinion** *Firstly, secondly, thirdly, finally besides, also, in addition*

**Concluding/Summarising your opinion**

*For these reasons, In short,*

*As I have noted,*

(Hoàn thành đoạn văn sau với những từ trong khung “Sắp xếp ý kiến của bạn”.)

(1)

, using the computer as your

hobby can be harmful to both your health and your social life. (2) , sitting all day in front of the computer can cause

health problems such as eye-tiredness and

obesity. (3)

easily. (4)

, you may get irritated

, if you use the computer

too much you won’t have time for your family

and friends. (5)

, computers should

only be used for a limited time.

**5 Now write a similar paragraph to answer one of the following questions.**

1. What do you think is the best leisure activity for teenagers?
2. Should parents decide how teenagers spend their free time?

Đáp án gợi ý:

I believe the best leisure activity for teenagers is any group activity. This could be playing a team sport or joining a hobby group or even volunteering. Firstly, teenagers like to feel that thev belong to the group. Secondly, being part of a group helps teenagers make friends. Friendship is very important to teenagers. In addition, they will make friends with people who have the same interests as them. For these reasons, I think group activities are best for teenagers.

**Looking Back:**

**2. Sau một số động từ chúng ta sử dụng danh động từ (Gerund): hình thức thêm "ing". Chúng ta cũng có thể đặt "not" trước "gerund" để chỉ nghĩa phủ định.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Verbs****(Động từ)** | **Meaning****(nghĩa tiếng****Việt)** | **Examples****(Ví dụ)** |
| **S + V + Gerund** |
| Admit | thừa nhận |   |
| Advise | khuyên |   |
| Allow | cho phép | He is allowed sitting here |
| Anticipate | dự đoán |   |
| Appreciate | đánh giá cao |   |
| Avoid | tránh | We start early to avoid getting traffic jam. |
| Confess | thú nhận |   |
| Consider | xem xét |   |
| Delay | trì hoãn |   |
| Deny | chối | He denied stealing the money |
| Detest | ghê tởm |   |
| Dislike | không thích |   |
| Enjoy | thích thú | We enjoy watching cartoons. |
| Escape | trốn khỏi |   |
| Excuse | tha lỗi |   |
| Face | đối diện |   |
| Fancy | muốn | Fancy seeing you here |
| Finish | làm xong | I have finished doing the test |
| give up | từ bỏ | He has given up smoking |
| Imagine | tưởng tượng |   |
| Involve | đòi hỏi phải |   |
| Justify | chưng tỏ |   |
| keep on | tiếp tục | The bus keeps on running |
| leave off | ngưng |   |
| Mention | đề cập |   |
| Mind | phiền lòng |   |
| Miss | bỏ lỡ |   |
| Permit | cho phép |   |
| Postpone | trì hoãn |   |
| Practice | thực hành | You should practice speaking English everyday. |
| put off | trì hoãn |   |
| Quit | bỏ |   |
| Recommend | đề nghị |   |
| Resent | phật lòng |   |
| Resist | khăng khăng |   |
| Resume | lại tiếp tục |   |
| Risk | liều lĩnh |   |
| Save | cứu khỏi |   |
| Tolerate | chấp nhận |   |
| Suggest | đề nghị | They suggest going to the beach. |
| Recollect | hồi tưởng |   |
| Pardon | tha thứ |   |
| can’t resit | không cưỡng nổi |   |
| can’t stand | không chịu nổi | I can’t stand laughing |
| can’t help | không nhịn nổi | I can’t help laughing |
| Understand | hiểu |   |
| **Gerund dùng sau tất cả các giới từ và một số cụm từ sau** |
| be worth | xứng đáng | It’s worth buying. (Đáng để mua) |
| it’s no use | vô ích | It’s no use teaching her. (Dạy cô ấy chỉ có vô ích) |
| it’s no good | vô ích |   |
| there’s no | không |   |
| be used to | quen với | I am used to stay up late (tôi quen thức khuya) |
| get used to | trở nên quen |   |
| look forwardto | mong ngóng | I am looking forward to seeing you soon |
| in addition to | thêm vào |   |
| object to | phản đối | Everyone objects to building a new hotel here |
| confess to | thú nhận | Fred confessed to stealing the jewels |
| be opposed to | phản kháng |   |
| take to | bắt đầu quen | He took to dinking. (Anh ta nhiễm thói quen uống rượu) |
| face up to | chấp nhậnđương đầu |   |
| admit to | thú nhận |   |

**3. Một số động từ dùng với cả "to inf" và "gerund" (ing -form). Nghĩa của chúng sẽ khác nhau.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Verbs****(Động từ)** | **To inf/ V-ing** | **Meaning****(nghĩa tiếng Việt)** | **Examples****(Ví dụ)** |
| Rememberforgetregret | V-ing | Chỉ hành động đã xảy ra rồi | I don’t remember **posting** the letter.(tôi không nhớ là đã gửi thư rồi) |
| Rememberforgetregret | to inf | Chỉ hành động chưa xảy ra | I must remember **to post** the letter.(Tôi phải nhớ gửi lá thư - chưa gửi) |
| Mean | V-ing | có nghĩa là | Having a party tonight will mean **working**extra hard tomorrow |
| to inf | có ý định | I mean **to work** harder |
| Propose | V-ing | đề nghị | I propose **waiting** till the police get here |
| to inf | có ý định | I propose **to start** tomorrow |
| go on | V-ing | vẫn tiếp tục cùng đề tài | He went on **talking** about his accident |
| to inf | tiếp tục nhưng đề tài khác | He went on **to talk** about his accident |
| Stop | V-ing | ngừng việc đang làm | She stopped **singing** (cô ấy ngừng hát) |
| toinf | ngừng để làm việc khác | She stopped **to sing** (cô ấy ngừng để hát) |
| Try | V-ing | chỉ sự thử nghiệm | I’ve got a terrible headache. I tried **taking**an aspirin but it didn’t help. |
| toinf | chỉ sự cố gắng | I was very tired. I tried **to keep** my eyes open but I couldn’t |
| Likehateprefer | V-ing | Chỉ ý nghĩa tổng quát | I don’t like waking up so early as this.(Tôi không thích dậy sớm) |
| Likehateprefer | to inf | chỉ hành động cá biệt dịp này | I don’t like to wake him up so early as this(Tôi không muốn đánh thức anh ấy dậy sớm như thế này) |

**Unit 2: Getting Started**

**Từ vựng**

|  |  |
| --- | --- |
| Harvest time (n) | Mùa gặt |
| Herding (n) | Chăn nuôi |
| Buffalo (n) | Con bò |
| Buffalo-drawn cart (n) | Xe bò kéo |
| Flying kite (n) | Thả diều |
| Envious (adj) | Ghen tị |
| Explore (v) | Khám phá |
| interesting (adj) | Thú vị |
| Paddy field (n) | Cánh đồng lúa |
| Ride a horse (v) | Cưỡi ngựa |
| Collect water (v) | Đi lấy nước |
| Dry the rice (v) | Phơi thóc |
| Climb tree (v) | Leo cây |
| nomadic (adj) | Có tính du mục |
| vast (adj) | Rộng lớn |
| inconvenient (adj) | Bất tiện |
| convenient (adj) | Thuận tiện |
| brave (adj) | Dũng cảm |
| hay (n) | Cỏ khô |
| tent (n) | Lều trại |
| pole (n) | Cái sào ,cái cọc |
| camel (n) | Con lạc đà |
| Wild flower (n) | Hoa dại |
| bloom (V,n) | (sự) nở hoa |
| opporttunity (n) | Cơ hội |
| education (n) | Sự giáo dục |
| access (V,n) | Sự truy cập, tiếp cận |
| facility (n) | Cơ sở vật chất |
| exiting (adj) | Thú vị |
| crowded (adj) | Đông đúc |
| country folk (n) | Người nông thôn |
| Grow up (v) | Trưởng thành |
| tradition (n) | Truyền thống |
| generous (adj) | Hào phóng |
| optimistic (adj) | Lạc quan |
| Densely populated (adj) | Đông dân |
| peaceful (adj) | Thanh bình |
| blackberry (n) | Dây tây |
| beehive (n) | Tổ ong |
| vacation (n) | Kì nghỉ |
| disturb (v) | Làm phiền |
| electricity (n) | Điện |
| cattle (n) | Gia súc |
| Entertainment centre (n) | Trung tâm giải trí |
| Freedom (n) | Sự tự do |
| Street market (n) | Chợ trời |
| Boring (adj) | Buồn chán |
| Discover (v) | Khám phá |
| Highland (n) | Cao nguyên |
| Pasture v,(n) | Bãi cỏ, ăn cỏ |
| Grassland (n) | Bãi cỏ, vùng đồng cỏ |
| Provide (v) | Cung cấp |
| Dairy product (n) | Sản phẩm từ sữa |
| Circular tent (n) | Lều tròn |
| Temperature (n) | Nhiệt độ |
| Drop (v) | Làm rụng, rơi |
| Transport (V,n) | (sự) vận chuyển |
| Surround (v) | Bao quanh |
| Mountain (n) | Ngọn núi |
| Electrical appliance (n) | Đồ điện |
| Farmer (n) | Nông dân |
| river (n) | Dòng sông |

Video

**NGỮ VĂN**

**Văn bản: TỨC NƯỚC VỠ BỜ**

**(Trích Tắt đèn)**

 **- Ngô Tất Tố -**

1. **Giới thiệu chung:**

**1. Tác giả**

- Ngô Tất Tố ( 1893 – 1954).

- Là một trong những nhà văn xuất sắc của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng tháng Tám.

- Nhà văn chuyên viết về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám

**2. Tác phẩm**

- Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố đăng trên báo Việt Nữ năm 1937, in thành sách, xuất bản 1939.

- Đoạn trích trích trong chương XVIII của tác phẩm.

**II. Đọc - hiểu văn bản**

**1. Đọc - chú thích**

**2. Kết cấu, bố cục**

- Thể loại: tiểu thuyết

- Phương thức: tự sự

**-** Bố cục: 2 phần

**3.1. Tình thế của gia đình chị Dậu**

- Vụ thuế đang gay gắt

- Chị đã bán chó, bán con để lấy tiền nộp sưu.

- Phải nộp cả suất sưu cho em chồng đã chết.

- Anh Dậu bị đánh tưởng chết mới tỉnh

-> Tình cảnh thê thảm, đáng thương và nguy cấp. Tai hoạ chồng chất, bản thân chị Dậu ở vào tình thế tuyệt vọng, đơn độc đối phó với lũ bất nhân.

=> Đó là người đàn bà vô cảm, lạnh lùng, độc ác thâm hiểm, hiện thân cho thành kiến cổ hủ lạc hậu, phi nhân đạo của xã hội thực dân nửa phong kiến lúc bấy giờ.

**3.2. Nhân vật chị Dậu :**

**\* Chị Dậu chăm sóc chồng:**

- Cháo chín, múc ra bát, quạt cho chóng nguội.

- Rón rén bưng một bát đến chỗ chồng.

- Ngồi chờ xem chồng ăn có ngon miệng không.

-> Là người phụ nữ hiền dịu, yêu thương chồng con.

**\* Khi đối phó với bọn tay sai**

- Lúc đầu:

 + run run, thiết tha

 + xưng hô: cháu - ông

-> Nhẫn nhục, van xin, lễ phép, cố khơi gợi từ tâm và lương tri của "ông cai".

- Khi bọn tay sai ác độc và tàn nhẫn:

 + Không thể chịu được -> liều mình cự lại

 + Vị thế ngang hàng: tôi - ông

 + Dùng lý lẽ: chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.

- Khi bọn tay tiếp tục hành động ác độc và tàn nhẫn.

+ Nghiến hai hàm răng.

+ Xưng hô: mày- bà -> Tư thế đứng trên đầu kẻ thù.

 -> Chuyển từ đấu lý -> đấu lực.

 Cảnh tượng " Tức nước vỡ bờ”:

+ Chị Dậu chiến thắng, tên cai lệ ngã chỏng quèo, tên người nhà lý trưởng bị túm tóc lẳng ngã nhào.

- Hình ảnh đối lập, miêu tả với sắc thái hài hước, chân thực, hợp lí, sống động.

-> Làm nổi bật sức mạnh ghê gớm và tư thế ngang tàng của chị Dậu.

-> Những tên tay sai hung hãn thành kẻ thảm bại xấu xí, tơi tả.

=> Là người phụ nữ dịu dàng mà cứng cỏi, đầy vị tha nhưng không yếu đuối; có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng, quyết liệt

**3.3. Ý nghĩa nhan đề: Tức nước vỡ bờ**

- Chân lí dân gian: Có áp bức, có đấu tranh

- Chân lí cuộc sống: Con đường của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh tự giải phóng, không có con đường nào khác

-> Dự báo cơn bão táp mạng của quần chúng nhân dân sau này.

**4. Tổng kết**

**4.1. Nghệ thuật**

- Tạo tình huống truyện có tính kịch tức nước vỡ bờ.

- Kể chuyện, miêu tả nhân vật chân thực, bình dị, sinh động (ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tâm lí...)

**4.2. Nội dung – ý nghĩa**

**\*** Nội dung:

- Vạch trần bộ mặt tàn ác bất

nhân của xã hội thực dân phong kiến đã đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng cực khổ.

- Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân,vừa giầu tình yêu thương vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

**\*** Ý nghĩa:

- Tác phẩm phản ánh thực về sức phản kháng mãnh liệt chống lại áp bức của những

ng­ười nông dân hiền lành chất phác.

**4.3. Ghi nhớ (sgk)**

--------------------------------------

**Văn bản:**

**LÃO HẠC**

**- Nam Cao –**

**I. Giới thiệu chung**

**1. Tác giả**

- Nam Cao (1915- 1951)

- Là nhà văn đã có đóng góp cho nền văn học dân tộc các tác phẩm hiện thực xuất sắc về đề tài người nông đân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏi trong xã hội cũ.

**2. Tác phẩm**

- Là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nam Cao.

- Đăng báo lần đầu năm 1943.

- Đoạn trích nằm cuối truyện.

1. **Đọc - hiểu văn bản:**
2. **Đọc, chú thích.**

**2. Kết cấu, bố cục**

- Thể loại: Truyện ngắn

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

- Ngôi kể thứ nhất - lời ông giáo.

- Nhân vật trung tâm: Lão Hạc.

**3.1. Nhân vật lão Hạc:**

**\* Tâm trạng của lão Hạc khi bán”cậu Vàng”**

- Trước khi bán con chó Vàng

+ Nói với ông giáo về ý định bán chó

+ Lão phải suy tính, đắn đo nhiều lần, coi đó là việc rất hệ trọng.

- Lí do bán “cậu Vàng"

+ Từ tình yêu thương sâu sắc của người cha dành cho con.

+ Từ tình thương yêu của một con người đối với loài vật.

 Sau khi bán con Vàng:

+ Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, mắt ầng ậc nước, mặt co rúm lại, vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu ngoẹo về một bên, mếu như con nít, hu hu khóc.

-> Sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh, động từ có sức gợi tả cao, biểu hiện chân thực, cụ thể, chính xác, đặc tả ngoại hình đầy ấn tượng.

-> Thể hiện một sự ngậm ngùi, chua chát, nỗi đau đớn, hối hận, xót xa, sự thương tiếc, nỗi buồn và sự bất lực trước cảnh sống hiện tại cùng cực.

=> Là con người sống tình nghĩa, thuỷ chung, một người cha yêu thương con sâu sắc muốn dành dụm tất cả những gì có thể cho con để con có một cuộc sống hạnh phúc, một con người có nhân cách cao quí.

**\* Cái chết của lão Hạc**

- Lão Hạc chuẩn bị cho cái chết của mình:

+ Làm văn tự, nhờ ông giáo trông nom hộ 3 sào vườn để khi con về sẽ có đất ở, có vườn làm... văn tự để tên ông giáo, về sau này nhờ ông giáo trông nom cho con ông.

+ Gửi ông giáo 30 đồng bạc để khi lão chết nhờ hàng xóm chi tiêu lo hộ việc ma chay.

- Chuẩn bị âm thầm, chu đáo.

-> Lão Hạc chủ động và tự nguyện tìm đến cái chết.

=> Là một người cha hết lòng vì con. Là người sống chu đáo, giàu lòng tự trọng.

- Cách xây dựng tình huống truyện đầy bất ngờ, có tác dụng “đánh lừa”...

- Lão Hạc vật vã, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra...

-> Một loạt các từ tượng hình và tượng thanh liên tiếp gợi tả về một cái chết dữ dội và thê thảm...

- Tình huống truyện được đẩy lên đến đỉnh điểm.

-> Lão tự giải thoát bằng cách tự trừng phạt mình.

**\* Nguyên nhân về cái chết của lão Hạc**

- Do tình cảnh đói khổ, túng quẫn.

- Xuất phát từ từ tình yêu thương, trách nhiệm với con, từ lòng tự trọng đáng kính.

- Thực trạng xã hội thực dân phong kiến đương thời

=> Phản ánh số phận đau thương và phẩm chất cao quý tiềm tàng của người nông dân nghèo trước cách mạng tháng Tám.

=> Lão Hạc là một nhân vật lương thiện, bị bần cùng hoá nên phải chọn cái chết thảm thương, đau đớn. Đó là một người cha giàu lòng yêu thương con, một người tình nghĩa thủy chung, trung thực, là một tâm hồn, một tính cách cao thượng, một nhân cách cao cả.

**3.2. Nhân vật ông giáo**

**\* Thái độ, tình cảm đối với lão Hạc**

- Muốn ôm choàng lấy lão oà lên khóc, ái ngại, an ủi, bùi ngùi...

- Giấu giếm vợ giúp lão Hạc.

- Tôn trọng, cảm thông, xót thương tình cảnh của lão Hạc.

**\* Những ý nghĩ của ông giáo về lão Hạc:**

- Thấm đẫm triết lý nhân sinh.

- Thâm trầm, sâu sắc.

=> Tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.

**3.3. Thái độ của tác giả**

- Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực thương yêu con muốn vun đắp dành dụm tất cả cho con để con có một cuộc sống hạnh phúc.

- Trân trọng ca ngợi vẻ đẹp tiềm ẩn của người nông dân trong cảnh khốn cùng mà vẫn giàu lòng tự trọng, khí khái.

**4. Tổng kết**

**4.1. Nghệ thuật**

- Lời kể ngôi thứ nhất, người kể là nhân vật hiểu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện và cảm thông với lão Hạc.

- Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, trữ tình, lập luận, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động.

- Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lối kể khách quan, xây dựng được hình tượng nhân vật có tính cá thể hoá cao.

**4.2. Nội dung- Ý nghĩa văn bản**

 **- Nội dung:** Tác phẩm phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám qua tình cảnh của lão Hạc và thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của một con người.

**- Ý nghĩa:** Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không bị hoen ố cho dù phải sống trong hoàn cảnh khốn cùng.

**LỊCH SỬ**

**BÀI 3: CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐƯỢC XÁC LẬP TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI**

**I/ Cách mạng công nghiệp**

**1/ Cách mạng công nghiệp ở Anh:**

 -Từ giữa năm 60 của thế kỉ XVIII,Anh là nước đầu tiên trên thế giới tiến hành cách mạng công nghiệp với việc phát minh máy móc trong ngành dệt.

 +1764,Giêm-Ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi Gien-ni

 +1769 Ác-crai-tơ phát minh máy kéo sợi chạy bằng sức nước

 +1785,Ác-crai-tơ chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước

+1784,Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước.

=>Thúc đẩy nhiều nghành kinh tế khác ra đời như:luyện kim,khai thác mỏ,tiêu biểu là ngành giao thông vận tải có tàu thủy,tàu hỏa sử dụng đầu máy chạy bằng hơi nước.

- Từ sản xuất nhỏ thủ công chuyển sang sản xuất lớn bằng máy móc.

 - Anh trở thành nước có nền công nghiệp hóa.Từ nước nông nghiệp, trở thành nước công nghiệp phát triển nhất thế giới,là “công xưởng” của thế giới.

**2/ Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức: (HS tự học)**

**3/ Hệ quả của cách mạng công nghiệp:**

- Làm thay đổi bộ mặt của các nước Tư Bản,nâng cao năng suất lao động,hình thành các trung tâm kinh tế,thành phố lớn…

**II.Chủ nghĩa tư bản xác lập trên phạm vi thế giới**

**2. Sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương tây đối với các nước Á-Phi:**

**a. Nguyên nhân:**

- Nhu cầu về nguyên liệu, thị trường, nhân công, tài nguyên tăng mạnh

**b. Quá trình xâm lược thuộc địa:**

-Chính phủ Tư Sản đẩy mạnh xâm chiếm phương Đông: Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á.

 - Châu Phi: Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ... ráo riết xâu xé, biến châu lục này thành thuộc địa.

**c. Kết quả:**

 Cuối TK XIX – đầu XX, hầu hết các nước Á, Phi lần lượt trở thành thuộc địa, phụ thuộc của thực dân Phương Tây.

----------------Chúc các em học tốt--------------------

**ĐỊA LÝ**

Tuần 3 : Bài 3 Sông ngòi và cảnh quan châu Á

1. Đặc điểm sông ngòi :
* Sông ngòi châu Á khá phát triển và có nhiều hệ thống sông lớn
* Sông ngòi châu Á phân bố khoong đều và có chế độ nước khá phức tạp
1. Các đới cảnh quan tự nhiên
* Các cảnh quan tự nhiên phân bố đa dạng
* Rừng lá kim chiếm diện tích lớn phân bố ở xibia
* Rừng cận nhiệt đới ở Đông Á
* Rừng nhiệt đới ẩm ở Đông Nam Á và Nam Á

**GDCD**

**Bài 3. TÔN TRỌNG NGƯỜI KHÁC**

**Hs đọc trước phần đặt vấn đề trong sgk và xem trước nội dung bài học**

**1. Khái niệm:**

-Tôn trọng người khác là sự đánh giá đúng mức, coi trọng danh dự phẩm giá và lợi ích của người khác.

-Thể hiện lối sống có văn hoá với mọi người..

**2. Ý nghĩa**

- Tôn trọng người khác mới nhận được sự tôn trọng của người khác đối với mình.

- Mọi người tôn trọng nhau thì xã hội trở nên lành mạnh, trong sáng và tốt đẹp hơn

 **3. Cách rèn luyện:**

- Tôn trọng người khác mọi lúc, mọi nơi.

- Thể hiện cử chỉ, hành động và lời nói tôn trọng người khác.

**\*HS: Làm bài tập 1, 2, 3, 4 SGK**

***\*HS xử lí tình huống***

*- Dự kiến cách ứng xử của em trong tình huống sau: Ngày chủ nhật em ra chợ thì gặp bạn học cũ đang bán hàng phụ mẹ*

**CÔNG NGHỆ**

**Bài 8: HÌNH CẮT**

**BÀI 9: BẢN VẼ CHI TIẾT**

**I. Khái niệm hình cắt**

- Hình cắt là hình biểu diễn phần vật thể ở sau mặt phẳng cắt.

- Hình cắt dùng để biểu diễn rõ hơn hình dạng bên trong của vật thể. Phần vật thể bị mặt phẳng cắt cắt qua được kẻ gạch gạch.

**II. Nội dung của bản vẽ chi tiết**

+ Hình biểu diễn: gồm hình cắt, mặt cắt diễn tả hình dạng và kết cấu của chi tiết.

+ Kích thước: gồm tất cả các kích thước cần thiết cho việc chế tạo chi tiết.

+ Yêu cầu kỹ thuật: gồm các chỉ dẫn về gia công, nhiệt luyện…

+ Khung tên: ghi các nội dung như tên gọi chi tiết, vật liệu, tỉ lệ bản vẽ, cơ quan thiết kế hoặc quản lý sản phẩm.

=> Công dụng: bản vẽ chi tiết dùng để chế tạo và kiểm tra chi tiết máy.

**\* Đọc bản vẽ chi tiết**

- Tên chi tiết: ống lót.

- Vật liệu: thép.

- Tỉ lệ: 1:1.

- Hình chiếu cạnh, hình cắt ở hình chiếu đứng.

- Kích thước chung:n 28, 30.

- Kích thước các phần: đường kính ngoài: n28, đường kính lỗ:n16, chiều dài: 30.

- Yêu cầu làm tù cạnh sắc và xử lí bề mặt bằng mạ kẽm.

- Chi tiết có dạng ống hình trụ tròn, dùng để lót giữa các chi tiết.

**\* Trình tự đọc bản vẽ:**

+ Khung tên.

+ Hình biểu diễn.

+ Kích thước.

+ Yêu cầu kĩ thuật.

+ Tổng hợp.

**BÀI 11: BIỂU DIỄN REN**

**I. Chi tiết có ren**

- Ví dụ: Bulông, đai ốc, trục bánh xe, vít cấy, đuôi xoáy bóng đèn…

- Kết cấu ren có dạng xoắn.

- Công dụng của ren:

+ Ren dùng để lắp ghép các chi tiết hay truyền lựcnhư:Mặt ghế được ghép với chân ghế. bóng đèn lắp với đui đèn.

**II. Quy ước vẽ ren**

- Ren ngoài là ren được hình thành ở mặt ngoài của chi tiết.

- Ren trong là ren được hình thành ở mặt trong của lỗ.

\* Ren nhìn thấy:

- Đỉnh ren, đường giới hạn ren và vòng đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm

- Chân ren và vòng chân ren vẽ bằng nét liền mảnh và vòng chân ren chỉ vẽ ¾ vòng

\* Ren bị che khuất:

Các đường đỉnh ren, chân ren, giới hạn ren đều được vẽ bằng nét đứt.